TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: 53/2026/QĐST-HNGĐ	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 142/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2026, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Hoàng Phước T, sinh ngày 15/12/1991; CCCD: 077091003669, cấp ngày 24/02/2023, địa chỉ: Tổ G, thôn T, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Hỷ Bích T1, sinh ngày 16/9/2001, CCCD: 077301002031, cấp ngày 10/5/2021; Địa chỉ: Tổ D, khu phố P, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Ông Hoàng Phước T và bà Hỷ Bích T1 tự nguyện đăng ký hết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã C, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã C, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 140/2023 vào ngày 03/11/2023, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Qua trình bày của các đương sự, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đến nay đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, ông T, bà T1 thống nhất ly hôn. Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân gia đình, ghi nhận việc ông Hoàng Phước T và bà Hỷ Bích T1 thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Hoàng Phước T và bà Hỷ Bích T1 có 01 (một) con là cháu Hoàng Đức Thiên P, sinh ngày 07/5/2024. Ông T, bà T1 thống nhất giao con chung cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thỏa thuận về con chung giữa ông T, bà T1 là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi của con chung và không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên

được công nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về lệ phí việc hôn nhân: Mỗi bên chịu 150.000 đồng lệ phí việc hôn nhân.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng Phước T và bà Hỷ Bích T1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Hoàng Phước T và bà Hỷ Bích T1 có 01 (một) con là cháu Hoàng Đức Thiên P, sinh ngày 07/5/2024.

Giao con chung Hoàng Đức Thiên P cho bà Hỷ Bích T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, ông Hoàng Phước T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Hoàng Phước T và bà Hỷ Bích T1 không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Hoàng Phước T và bà Hỷ Bích T1 phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc hôn nhân, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 00016728 ngày 18 tháng 3 năm 2026, của Phòng thi hành án dân sự khu vực 12-Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Hoàng Phước T và bà Hỷ Bích T1 đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7. 7a, 7b

và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND KV12-Tp. HCM;
- Ủy ban nhân dân xã Châu Pha;
- PTHADS KV12-TP.HCM;
- TAND TP.HCM
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Huỳnh Thanh Trà